

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DIÊN KHÁNH
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 28-5-2018

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DIÊN KHÁNH, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Tín

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Quốc Tân

Bà Thái Thị Đang

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Kiều – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Trần Quốc Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 352/2017/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2017 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số: 28/2018/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Lê Thị Phương K**

Địa chỉ: Thôn P, xã D, huyện D.K, Khánh Hòa; có mặt.

- Bị đơn: Ông **Trần Vũ T**

Địa chỉ: Thôn P, xã D, huyện D.K, Khánh Hòa; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 18/8/2017, các lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị Phương K trình bày:

Bà và ông Trần Vũ T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Diên An năm 2002. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống; ông T có quan hệ bất chính với phụ nữ khác; thường xuyên nhậu nhẹt bê tha, không quan tâm, chăm sóc vợ con. Bà đã nhiều lần khuyên can nhưng ông T vẫn không sửa chữa, thay đổi. Đến năm 2016, mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng, thường xuyên kình cãi làm tổn thương nhau. Hiện tại, tình cảm vợ chồng không còn, mỗi

người tự lo cuộc sống riêng của mình và bà không thể tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân này nên cương quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà và ông T có 02 con chung là Trần Lê Đoan N, sinh ngày 17/10/2002 và Trần Lê Bảo C, sinh ngày 14/6/2010. Khi ly hôn, bà có nguyện vọng trực tiếp nuôi 02 con và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi hai con định kỳ hàng tháng; mức cấp dưỡng cho mỗi con là 1.500.000 đồng/con/tháng (3.000.000 đồng/02 con/tháng) kể từ tháng 6/2018 cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

- Tại các lời khai, bị đơn ông Trần Vũ T trình bày:

Ông và bà Lê Thị Phương K tự nguyện đăng ký kết hôn đúng như bà K đã trình bày. Thời gian đầu vợ chồng sống hòa thuận, nhưng từ tháng 7/2017 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông bận công việc nên ít có thời gian để quan tâm, chăm sóc vợ. Hiện tại, vợ chồng vẫn ở chung nhà nhưng không còn ngủ chung với nhau và mỗi người tự lo cuộc sống riêng của mình. Ông không muốn ly hôn nhưng nếu bà K cương quyết ly hôn với ông thì ông đồng ý ly hôn với bà K. Tại phiên hòa giải, ông T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn nên đồng ý ly hôn bà K. Nhưng sau đó, ông T có đơn xin thay đổi ý kiến là không đồng ý ly hôn bà K vì sợ ảnh hưởng đến các con.

Về con chung: Ông và bà K có 02 con chung đúng như bà K trình bày. Trường hợp ly hôn, ông đồng ý giao 02 con chung cho bà K nuôi dưỡng và ông đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung như yêu cầu của bà K.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

- Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Diên Khánh:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn. Giao 02 con chung cho bà K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 2 con định kỳ hàng tháng, mức cấp dưỡng cho mỗi con là 1.500.000 đồng/con/tháng (3.000.000 đồng/2 con/tháng) cho đến khi mỗi con đủ 18 tuổi.

Về án phí: Nguyên đơn bà K phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; ông T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn ông Trần Vũ T tham gia phiên tòa nhưng ông T vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành việc xét xử.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

[2.1]. Ngày 02/4/2002, bà Lê Thị Phương K và ông Trần Vũ T tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Diên An và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào sổ số 14, quyển số 1/2002; đây là hôn nhân hợp pháp.

[2.2]. Bà Lê Thị Phương K yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Trần Vũ T. Ông T không đồng ý ly hôn bà K. Xét thấy, theo kết quả xác minh ngày 15/01/2018 tại Ủy ban nhân dân xã Diên An thì giữa vợ chồng ông T, bà K có xảy ra mâu thuẫn, gia đình lục đục. Tại phiên hòa giải ngày 07/3/2018, nguyên đơn và bị đơn đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không hòa hợp nhau về nhiều mặt, mâu thuẫn không thể hàn gắn; thực tế, mỗi người tự lo cuộc sống riêng của mình. Việc ông T thay đổi ý kiến không đồng ý ly hôn là sợ ảnh hưởng đến tâm lý của các con; còn thực chất thì quan hệ hôn nhân giữa bà K và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở để chấp nhận.

[3]. Về con chung: Bà Lê Thị Phương K và ông Trần Vũ T có 02 con chung là Trần Lê Đoan N, sinh ngày 17/10/2002 và Trần Lê Bảo C, sinh ngày 14/6/2010. Khi ly hôn bà K và ông T đều thống nhất giao 02 con chung cho bà K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con định kỳ hàng tháng; mức cấp dưỡng cho mỗi con là 1.500.000đ/con/tháng (3.000.000đ/02 con/tháng). Bà K yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con kể từ tháng 6/2018 cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi. Xét đây là sự tự nguyện của đương sự và phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4]. Về tài sản chung: Bà K và ông T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[5]. Về nợ chung: Bà K và ông T xác định không có nợ chung.

[6]. Về án phí: Nguyên đơn bà Lê Thị Phương K phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ông Trần Vũ T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà Lê Thị Phương K được ly hôn ông Trần Vũ T.

2. Về con chung:

2.1. Giao 02 con chung là Trần Lê Đoan N, sinh ngày 17/10/2002 và Trần Lê Bảo C, sinh ngày 14/6/2010 cho bà Lê Thị Phương K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

2.2. Ông Trần Vũ T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con định kỳ hàng tháng; mức cấp dưỡng cho mỗi con là 1.500.000đ/tháng (3.000.000đ/02 con/tháng); thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 6/2018 cho đến khi mỗi con chung (Trần Lê Đoan N, Trần Lê Bảo C) đủ 18 tuổi.

2.3. Ông Trần Vũ T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2.4. Quá trình nuôi con chung, bà Lê Thị Phương K, ông Trần Vũ T có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết về thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Bà Lê Thị Phương K và ông Trần Vũ T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

4. Về án phí:

4.1. Bà Lê Thị Phương K phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí mà bà Lê Thị Phương K đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2016/0018327 ngày 05/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Diên Khánh. Như vậy, bà Lê Thị Phương K đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4.2. Ông Trần Vũ T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

5. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

6. Quyền kháng cáo: Bà Lê Thị Phương K được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông Trần Vũ T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện Diên Khánh;
- Chi cục THADS huyện Diên Khánh;
- UBND xã Diên An, Diên Khánh
(nơi đăng ký kết hôn);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

(Đã ký)

Nguyễn Trung Tín